

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VÙNG TÂY BẮC

TRƯƠNG XUÂN CỪ\*

Ngày nhận bài: 07/06/2017; ngày sửa chữa: 15/06/2017; ngày duyệt đăng: 15/06/2017.

**Abstract:** Northwest area is located in mountainous borderland of our country with an important position in socio-economic development, foreign affairs and national defense. Recently, thank to policies of the State, this area has gained many achievements in education and training. However, the education is still facing many difficulties. In this article, author mentions achievements and difficulties of the education of the area and points out main causes of this situation. Based on the analysis, the article proposes recommendations to improve quality of education and training in northwest area.

**Keywords:** Education and training, human resources, quality; Northwest areas.

## 1. Đặt vấn đề

Vùng Tây Bắc - phạm vi chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Tây Bắc, gồm 12 tỉnh là Hoà Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn và các huyện phía Tây của tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An. Đây là những địa bàn thuộc vùng núi cao, biên giới, địa hình hiểm trở phức tạp; có vị trí chiến lược quan trọng về phát triển KT-XH, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Trong những năm qua, nhờ sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, sự nỗ lực của nhân dân các dân tộc, vùng Tây Bắc đã đạt được nhiều kết quả đáng kể trong phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội. Có thể nêu ra một số chỉ tiêu quan trọng như: Thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh, năm 2005 thu nhập bình quân đầu người mới đạt 4,8 triệu đồng/người, đến cuối năm 2016 đã đạt trên 28,9 triệu đồng/người (tăng 6 lần); tỉ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm giảm từ 4-5%; hiện nay 100% các xã trong vùng đã có đường ô tô đến trung tâm, 82% số thôn, bản có đường cho xe cơ giới; gần 90% dân cư sinh sống ở nông thôn có nước sinh hoạt hợp vệ sinh; trên 92% hộ gia đình có điện sinh hoạt và phục vụ sản xuất. Sự phát triển của vùng Tây Bắc trong những năm qua do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó có hoạt động GD-ĐT nguồn nhân lực của vùng này. Do đó, phân tích hoạt động GD-ĐT ở vùng Tây Bắc có ý nghĩa thực tiễn thiết thực. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để đề xuất một số biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động GD-ĐT nguồn nhân lực ở vùng Tây Bắc.

## 2. Thành tựu của GD-ĐT vùng Tây Bắc

Trong những năm qua, phát triển nguồn nhân lực được cấp uỷ, chính quyền các cấp vùng Tây Bắc hết sức quan tâm. Thực hiện nhiệm vụ đó, các địa phương đã xây dựng quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực có trình độ cao, các chuyên gia đầu

ngành, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đạt trình độ chuẩn, bảo đảm cơ cấu về trình độ và dân tộc. Một trong những giải pháp phát triển nguồn nhân lực đã được các địa phương đẩy mạnh, đó là phát triển GD-ĐT, thu hút cán bộ, tích cực bồi dưỡng cán bộ,... Đặc biệt, trong sự nghiệp GD-ĐT đã có bước phát triển nhanh, đột phá. Toàn vùng có 8.773 trường học các cấp, trong đó mầm non là 2.710; tiểu học 2.668; trung học cơ sở 2.437; trung học phổ thông 4.389; trường bán trú 1.121; trường phổ thông dân tộc nội trú 79; trường cao đẳng 42, trường đại học 7; trung tâm dạy nghề 106. Hệ thống trường lớp học các cấp cơ bản được hoàn thiện: 100% các xã có trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở; 100% huyện, thị, thành phố có từ 1-5 trường trung học phổ thông. Chất lượng đội ngũ giáo viên và quản lí được nâng lên, tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn ngày càng cao. Công tác giáo dục toàn diện cho học sinh được chú trọng, các mặt giáo dục về "đức, trí, thể, mĩ" được kết hợp chặt chẽ, từ đó đã góp phần nâng cao trình độ hiểu biết, năng lực, nhận thức của học sinh. Các trường bán trú dân nuôi tiếp tục được phát triển, mở rộng, tạo nhiều điều kiện thuận lợi trong học tập và sinh hoạt cho con em đồng bào các dân tộc. Hết năm 2016, toàn vùng có 100% các xã đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở, trên 99% xã đạt phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi.

Bên cạnh giáo dục phổ thông, công tác đào tạo đại học, cao đẳng cũng đã được cấp uỷ, chính quyền các cấp trong vùng quan tâm, chú trọng. Một số trường cao đẳng được đầu tư nâng lên thành trường đại học như Trường Đại học Tân trào (Tuyên Quang), Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì (Phú Thọ), Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai,

\* Ban chỉ đạo Tây Bắc

phục vụ nhu cầu đào tạo của địa phương cũng như các tỉnh lân cận. Cùng với đó, các trường đại học, cao đẳng trong vùng đã tập trung xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, chuyên ngành, hợp lý về cơ cấu; bám sát nhu cầu phát triển của vùng, của từng địa phương để mở rộng các lĩnh vực, ngành nghề đào tạo và đào tạo đại học, cao đẳng theo hướng kết hợp giữa đào tạo nghiên cứu và ứng dụng nghề nghiệp. Hiện nay, toàn vùng có 04 trường đại học, gần 30 trường cao đẳng với nhiều lĩnh vực, ngành nghề đào tạo; quy mô bình quân đào tạo/năm khoảng trên 130.000 sinh viên, đã góp phần cùng với hệ thống đào tạo đại học, cao đẳng trong cả nước tăng nhanh nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng ngày một tốt hơn sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, thực hiện sứ mệnh mà Đảng và Hồ Chủ tịch đã lựa chọn.

Từ sự quan tâm phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực có trình độ đại học, cao đẳng, đã góp phần nâng cao tỉ lệ lao động qua đào tạo. Năm 2005, tỉ lệ lao động qua đào tạo mới đạt 18,4%, đến năm 2016 tỉ lệ này đã đạt 55,9%, bình quân mỗi năm tăng trên 4%. Trình độ của lực lượng lao động vùng Tây Bắc ngày một nâng lên đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động, đưa nhanh tiến bộ khoa học tiên tiến vào trong sản xuất, phục vụ tốt CNH, HĐH của từng địa phương. Đặc biệt, trình độ, năng lực, hiệu quả thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức vùng Tây Bắc đã được nâng lên rõ rệt; theo báo cáo của các địa phương, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ từ cao đẳng trở lên hiện nay chiếm trên 81%. Với trình độ được đào tạo bài bản trên ghế nhà trường, cùng với sự nhạy bén, tư duy sáng tạo, nhiều mô hình sản xuất, kinh doanh, cách làm hay đã đem lại hiệu quả thiết thực, nhất là trong xóa đói giảm nghèo.

### **3. Những khó khăn, hạn chế của GD-ĐT vùng Tây Bắc hiện nay**

Tuy đã có bước phát triển nhanh chóng và vượt bậc, nhưng so với các vùng miền khác trong cả nước, Tây Bắc vẫn là vùng nghèo, kinh tế chậm phát triển, kết cấu hạ tầng KT-XH chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển, đặc biệt là trong công tác GD-ĐT, phát triển nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế, yếu kém. Điều này được thể hiện ở một số khía cạnh như: cơ sở trường lớp, nhà ở cho học sinh phổ thông bán trú ở một số nơi còn tạm bợ, còn thiếu phòng học, thiết bị dạy học chưa đồng bộ, thiếu diện tích đất, thiếu công trình vệ sinh nước sạch, phòng học bộ môn, phòng chức năng, nhà ở cho học sinh và giáo viên,...; chất

lượng giáo dục chưa đồng đều, chưa đảm bảo tính bền vững của công tác phổ cập giáo dục; tính chuyên cần của học sinh chưa cao, vẫn còn học sinh bỏ học; tỉ lệ học sinh yếu, kém của vùng còn cao so với mặt bằng chung cả nước.

Việc sử dụng thiết bị dạy học vào đổi mới phương pháp dạy học ở vùng xa, vùng sâu còn gặp nhiều khó khăn. Tại các trường đại học và cao đẳng, cơ sở vật chất, kĩ thuật và trang thiết bị vẫn còn trong tình trạng yếu và thiếu; nguồn tài chính cung cấp cho các trường còn nhiều khó khăn. Đào tạo đại học, cao đẳng chủ yếu vẫn dựa theo khả năng của cơ sở đào tạo, chưa gắn với nhu cầu sử dụng, chất lượng đào tạo đã có chuyển biến nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động về tay nghề, tác phong công nghiệp, khả năng làm việc theo tổ, nhóm.

Theo số liệu thống kê về thực trạng KT-XH của 53 dân tộc thiểu số được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 02/QĐ-TTg, ngày 05/01/2015 thì hiện nay tỉ lệ người trên 15 tuổi chưa biết đọc, biết viết của đồng bào dân tộc thiểu số còn cao (21%), trong đó có một số dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc còn rất cao như La Hủ 65,4%, Mảng 57,2%, Mông 51,6%,...

Một vấn đề đặt ra trong GD-ĐT hiện nay là tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn vùng Tây Bắc chưa có việc làm còn cao. Theo thống kê sơ bộ, hiện nay toàn vùng hiện còn khoảng 70.127 người tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp chưa có việc làm, trong đó sinh viên là người dân tộc thiểu số khoảng 30.000 người, sinh viên theo diện cử tuyển gần 8.000 người. Một số ngành học có số lượng sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng khá đông nhưng chưa có việc làm như: sư phạm, kinh tế, nông lâm nghiệp, khoa học xã hội và nhân văn. Bên cạnh đó, nhiều sinh viên tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng có việc làm nhưng không đúng với chuyên môn đào tạo đang là vấn đề quan tâm của toàn xã hội. Nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học, cao đẳng không có việc làm đã bị sa ngã vào các tệ nạn xã hội, bị mua chuộc tham gia hoạt động của các băng nhóm tội phạm.

Mặt khác, chi phí đầu tư cho đào tạo đại học, cao đẳng đối với học sinh dân tộc thiểu số rất tốn kém nhưng không được khai thác, sử dụng, làm thất thoát nguồn lực của nhân dân, của toàn xã hội trong bối cảnh đất nước còn nghèo. Trong khi đó, tỉ trọng người có việc làm từ 15 tuổi trở lên qua đào tạo của người dân tộc thiểu số chỉ chiếm 6,2% (toàn quốc là 19,9%). Như vậy, người lao động chưa qua đào tạo

của người dân tộc thiểu số là rất cao (93,8%). Một số dân tộc có tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên qua đào tạo thấp như: dân tộc Sinh Mun (1,8%), Khơ Mú (1,6%), La Hủ (1,4%). Một số dân tộc có tỉ lệ người có việc làm từ 15 tuổi trở lên qua đào tạo cao như: Tày (14,4%), Mường (7,5%).

Một khía cạnh khác, tỉ lệ lao động có trình độ đại học, cao đẳng của dân tộc thiểu số chỉ chiếm 3% (toàn quốc là 11,4%). Một số dân tộc có tỉ lệ lao động trình độ đại học cao đẳng cao như: Tày (7%), Mường (3,3%). Một số dân tộc có tỉ lệ lao động trình độ đại học, cao đẳng rất thấp như: La Hủ (0,1%), Khơ Mú (0,5%), Xinh Mun (0,6%).

#### **4. Nguyên nhân khó khăn, hạn chế của GD-ĐT vùng Tây Bắc**

Những khó khăn, hạn chế ở trên có cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan.

- *Về khách quan:* Vùng Tây Bắc có địa hình đồi núi chia cắt phức tạp, cản trở cho việc xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH, nhất là hạ tầng giao thông. Chính từ hạ tầng giao thông yếu kém đã làm tăng chi phí vận chuyển, sản xuất dẫn đến hạn chế đầu tư sản xuất của các doanh nghiệp, nguồn lao động tại chỗ, nhất là lao động có trình độ đại học, cao đẳng không được khai thác, sử dụng.

- *Về nguyên nhân chủ quan:* Chất lượng đào tạo của một số trường đại học, cao đẳng chưa tốt. Sinh viên tốt nghiệp ra trường thiếu các kĩ năng làm việc, kĩ năng giao tiếp. Nhiều doanh nghiệp sau khi tiếp nhận vào các vị trí làm việc phải bỏ một nguồn kinh phí để bồi dưỡng, đào tạo lại,... Hệ quả là sinh viên sau khi ra trường khó tiếp cận với việc làm. Việc mở thêm nhiều trường đại học trong cả nước, nhiều ngành đào tạo trong một trường, cơ sở vật chất, lực lượng giảng viên đại học ở một số trường vừa yếu, vừa thiếu như báo chí trong thời gian qua đã đưa tin là yếu tố làm cho chất lượng đào tạo đại học, cao đẳng chưa đáp ứng yêu cầu sử dụng. Chỉ tiêu đại học một số ngành học chưa sát với nhu cầu thị trường lao động, chất lượng đầu vào đại học, cao đẳng chưa bảo đảm là nhân tố giảm chất lượng đào tạo đại học, cao đẳng. Việc cử tuyển đi học chưa bám sát nhu cầu của địa phương nên rất khó bố trí việc làm.

#### **5. Một số kiến nghị**

Từ những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân nêu trên của GD-ĐT vùng Tây Bắc, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị như sau:

- Có thể nói, đào tạo đại học, cao đẳng là một trong những giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH đất nước,

nhưng đào tạo một cách ồ ạt, chưa gắn với thị trường lao động là một vấn đề cần được quan tâm. Trước tình trạng sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp không có việc làm hiện nay (toàn quốc khoảng 297.700 người, ở vùng Tây Bắc khoảng 70.127 người), Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương trong vùng và các cơ sở đào tạo cần có một chiến lược đào tạo đại học, cao đẳng gắn với quy hoạch ngành nghề, quy hoạch dân cư, đào tạo theo hướng ứng dụng nghề nghiệp.

- Cần sắp xếp, tổ chức lại các trường cao đẳng trong vùng cho phù hợp. Các trường cao đẳng sư phạm cần xem xét chuyển sang loại hình bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên và cán bộ quản lí.

- Nâng cao chất lượng đầu vào, đầu ra của các trường đại học, cao đẳng. Hoàn thiện cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu đào tạo. Chấm dứt tuyển sinh đối với những ngành học không đủ điều kiện đào tạo.

- Đối với diện sinh viên cử tuyển, cần gắn nhu cầu sử dụng và ngành nghề đào tạo để các em sau khi ra trường có thể tuyển dụng ngay. Bộ GD-ĐT cũng cần hạn chế chỉ tiêu đối với các ngành nghề đang dư thừa lao động như kinh tế, sư phạm,...

- Cần có một đề án đào tạo lại đối với sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng theo nhu cầu sử dụng lao động của địa phương. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, hợp tác xã trên các lĩnh vực kinh tế có lợi thế của vùng như nông lâm nghiệp, thủy sản, du lịch,... để thu hút lao động có trình độ đại học, cao đẳng.

- Có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp, các nhà đầu tư tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng chưa có việc làm và hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp, nhà đầu tư đào tạo lại chuyên môn phù hợp với nhu cầu sử dụng. Bởi vì, lực lượng lao động này đã qua đào tạo, có tri thức, có khả năng tiếp cận nhanh với tiến bộ khoa học mới.

- Tuyên truyền, vận động các gia đình hướng con em họ chuyển sang học nghề sau khi học hết trung học phổ thông. Có chế độ học nghề đặc biệt với học sinh dân tộc thiểu số để các em có trình độ, tiêu chuẩn xuất khẩu lao động. Đối với số sinh viên cử tuyển là người dân tộc thiểu số đã ra trường cần ưu tiên tuyển dụng để chúng ta có một đội ngũ cán bộ cơ cấu dân tộc hợp lí theo quy định của Nhà nước. Các huyện, xã không còn chỉ tiêu biên chế cần hợp đồng lao động để có nguồn cán bộ lâu dài. □

(Xem tiếp trang 259)

dạng nên lễ hội ở Thái Bình có sự đan xen nhiều tập tục, loại hình văn hóa văn nghệ dân gian từ các vùng miền khác nhau. Ở hội làng Quang Lang - một làng ven biển - có trò múa “ông Đùng bà Đà” cổ xưa gắn liền với nghi lễ phồn thực sơ khai nguyên thủy; ở làng Vọng Lỗ (Quỳnh Phụ) nằm ở giữa miền đồng bằng lại có dấu ấn của khu rừng nguyên sinh và hội làng vẫn duy trì tục đánh hổ,... Với ba mặt giáp sông, một mặt giáp biển, những làng lớn ven sông biển của Thái Bình thường mở hội lớn, đặc biệt là hội đền như đền Chũ, đền Cửa Lân, đền Đồng Bằng,... Ở các hội đền này thường tụ tập hầu bóng từ nhiều nơi trong nước đổ về. Các hình thức đua tài, giải trí, các trò chơi dân gian ở Thái Bình có nét riêng so với cả nước và ngay ở từng hội làng cũng có nét khác biệt. Cho đến những năm cuối thế kỉ XX, Thái Bình còn gìn giữ được trên 200 lễ hội. Nhiều lễ hội vẫn giữ được các trò chơi và nghi lễ truyền thống mang đậm bản sắc nền văn minh sông Hồng. Theo tổng hợp của Sở Văn hóa Thông tin Thái Bình hiện có hơn 200 lễ hội hàng năm, trong đó 92 lễ hội có các tục lệ đặc sắc, 11 lễ hội được đưa vào chương trình bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá phi vật thể.

Các lễ hội đang được duy trì với các loại hình đa dạng và phong phú, tuy vậy, sắc thái lễ hội nông nghiệp vẫn mang tính bao trùm, hay nói cho đúng hơn các nghi thức tôn giáo trong lễ hội tôn giáo và các hình thức diễn xướng mô phỏng lịch sử đều mang đậm sắc thái nông nghiệp. Ví dụ: trong múa “Bát dật” tại hội làng Lộng Khê có động tác cuộn chỉ, quay tơ; múa giáo cờ giáo quạt; trong hội làng Thượng Liệt có động tác vạt tôm vạt tép; trong nghi thức tế thánh Không Lộ ở chùa Keo có múa ếch vồ, chèo chải cạn; lễ hội đình La Vân có diễn trò nông (thợ cây, thợ cấy); tục thờ Trần Nhật Hiệu ở hội làng Dương Xá gắn với tế cá, thi cỗ cá; tục thờ tướng quân Phạm Bôi trong hội làng Đông Linh gắn với tục gói những tấm bánh chưng có khối lượng từ 50-70 kg...

#### 4. Kết luận

Tín ngưỡng, tôn giáo luôn là một trong những vấn đề lớn của mọi quốc gia, dân tộc. Sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo có liên quan và ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực, sự chi phối của tôn giáo đối với đời sống xã hội là rất đáng kể.. Trong thời kì quá độ lên xã hội xã hội chủ nghĩa hiện nay, các yếu tố mới và tiến bộ đã và đang hình thành nhưng chưa ổn định, các yếu tố cũ chưa mất hẳn. Sự đan xen, đấu tranh giữa các yếu tố cũ và mới đã tạo nên sự đa dạng, phong phú về các nguồn lực, động lực để phát triển xã hội, song cũng tiềm tàng không ít những phức tạp, nguy cơ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội... chưa thể giải quyết một sớm

một chiều. Do vậy, việc chỉ ra và đánh giá đúng đặc điểm của TNDG, giúp cho các cấp chính quyền tỉnh Thái Bình có thể đưa ra những giải pháp đúng đắn để giải quyết các vấn đề về tôn giáo và tín ngưỡng của tỉnh nhà hiện nay. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Như Ý (chủ biên, 2011). *Đại từ điển Tiếng Việt*. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [2] Nguyễn Chí Bền (1999). *Văn hóa dân gian Việt Nam: những suy nghĩ*. NXB Văn hóa dân tộc.
- [3] Phạm Minh Đức - Bùi Duy Lan (2005). *Nữ thần và Thánh Mẫu Thái Bình*. NXB Văn hóa - Thông tin.
- [4] Nguyễn Thanh (1998). *Nhận diện văn hoá làng Thái Bình*. Sở Văn hoá Thông tin và Thể thao Thái Bình.
- [5] Phạm Minh Thảo - Trần Thị An - Bùi Xuân Mỹ (1997). *Thành hoàng Việt Nam*. NXB Văn hóa - Thông tin.
- [6] Tập thể tác giả (1981). *Lễ hội cổ truyền trong đời sống xã hội hiện đại*. NXB Khoa học xã hội.

## Một số vấn đề về giáo dục...

(Tiếp theo trang 273)

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Ban dân vận Trung ương (2016). *Hội nghị tổng kết 05 năm thực hiện chương trình phối hợp công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số (giai đoạn 2011-2015) và kí kết chương trình phối hợp công tác (giai đoạn 2016-2020)*. Hà Nội, ngày 17/08/2016.
- [2] Báo cáo về phát triển đội ngũ trí thức người dân tộc thiểu số của tỉnh ủy các tỉnh: Cao Bằng, Sơn La, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hòa Bình, Hà Giang, Điện Biên, Tuyên Quang, Lai Châu năm 2015.
- [3] Trần Văn Bính (2004). *Văn hoá các dân tộc Tây Bắc - thực trạng và những vấn đề đặt ra*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [4] Nguyễn Thế Huệ (2000). *Dân số các dân tộc miền núi và trung du Bắc Bộ từ sau đổi mới*. NXB Văn hoá Dân tộc.
- [5] Hà Quế Lâm (2002). *Xoá đói giảm nghèo ở vùng dân tộc thiểu số nước ta hiện nay - thực trạng và giải pháp*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [6] Trần Trung (2016). *Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị cơ sở ở địa bàn trọng yếu vùng Tây Bắc*. Tạp chí Giáo dục, số 393, tr 31-36.
- [7] Nguyễn Đình Nguyên - Nguyễn Văn Vượng - Nguyễn Đình Thái (2016). *Đặc điểm nguồn nhân lực vùng Tây Bắc và định hướng phát triển giai đoạn 2016-2020*. Tạp chí Quản lí Giáo dục, số 84, tr 12-15.